

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư			
1	Đường bê tông bán Tư Xa B xã Phi Nhữ	Số: 1972/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	1.040	1.019	1.040	1.019				968				51			
2	Đường bê tông bán Huồi Múa B xã Keo Lôm	Số: 2028/QĐ-UBND Ngày 08/11/2023	2.020	1.980	2.020	1.980				1.940				40			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																
1	Hệ thống điện sinh hoạt bán Bàng Chộc xã Na Son	Số: 1921/QĐ-UBND Ngày 30/10/2023	3.050	3.050	3.050	3.050				2.000				1.050			
2	Nâng cấp đường giao thông bán Long Chuông - Ho Cờ xã Na Son	Số: 1973/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	6.360	6.360	6.360	6.360				3.000				3.360			
3	Nâng cấp đường giao thông bán Pá Chuông - Long Chuông xã Na Son (Giai đoạn 2)	số: 1974/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	5.670	5.670	5.670	5.670				3.000				2.670			
4	Nâng cấp đường giao thông từ Na Ngựa xã Luân Giới - Chiềng En (huyện Sông Mã)	Số: 1976/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	4.860	4.860	4.860	4.860				1.500				3.360			
5	Thủy lợi Na Tra bán Giới B xã Luân Giới	Số: 1900/QĐ-UBND Ngày 26/10/2023	1.619	1.619	1.619	1.619				1.000				619			
6	Hệ thống điện sinh hoạt các xã Pù Hồng (bán Nậm Ma, Ao Cá, Mường Ten, Tổng Sợ)	2617/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.000	14.000	14.000	14.000				13.731				269			
7	Hệ thống điện sinh hoạt bán Phi Cao xã Phình Giàng	Số: 2030/QĐ-UBND Ngày 08/11/2023	6.740	6.740	6.740	6.740				2.885				3.855			
8	Đường giao thông Bán Tư Xa B - Bán Trống Sư A xã Phi Nhữ	Số: 2025/QĐ-UBND Ngày 08/11/2023	9.585	9.585	9.585	9.585				3.000				6.585			
9	Đường bê tông bán Tia Ghênh A- Tia Ghênh B xã Keo Lôm	Số: 2026/QĐ-UBND Ngày 08 /11/2023	4.675	4.675	4.675	4.675				2.500				2.175			
10	Đường bê tông vào khu Pá Lầu bán Xa Vua A xã Phình Giàng	Số 2033/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	4.180	4.180	4.180	4.180				1.500				2.680			
11	Đường bê tông ngã 3 hàng Lía đến bán Tào La (Giai đoạn 2)	Số 2034/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	7.425	7.425	7.425	7.425				3.000				4.425			
12	Nâng cấp đường giao thông Thẩm trâu - Hàng Sông Dưới	Số: 1977/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	5.546	5.546	5.546	5.546				3.000				2.546			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú	
		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:								
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư	Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư			
13	Thủy lợi Huồi Hưa bản Pá Pao 2 xã Mường Luân	Số: 1866/QĐ-UBND Ngày 26/10/2023	1.900	1.900	1.900	1.900				1.000				900				
14	Đường bê tông bản Huồi Hoa A2 xã Keo Lôm	Số: 2027/QĐ-UBND Ngày 08/11/2023	2.526	2.475	2.526	2.475				1.000				1.475				
b) Dự án khởi công mới năm 2025																		
1	Ngâm tràn liên hợp Huồi Va B xã Háng Lía	Số 7918/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	1.200	1.200	1.200	1.200				0				1.200				
2	Đường giao thông liên xã bản Pá Hĩa - Nậm mản A,B (xã Chiềng Sơ) - bản Na Lai (xã Luồn Giỏi)	Số 7880/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	1.447	1.447	1.447	1.447				0				1.447				
3	Đường giao thông nội bản (Pá Hĩa + Huồi Hu + Pá Nậm) xã Chiềng Sơ	Số 7919/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	2.850	2.850	2.850	2.850				0				2.850				
III.2 Công hóa đường giao thông đến trung tâm xã			33.000	33.000	33.000	33.000	-	-	-	30.000	-	-	-	3.000	-	-	-	
* Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																		
1	Nâng cấp đường giao thông Nà Sán - Mường Tinh A,B,C - bản Chông	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 07/2/2022	33.000	33.000	33.000	33.000				30.000				3.000				
III.4 Xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTS&MN			1.000	1.000	1.000	1.000	-	-	-	950	-	-	-	50	-	-	-	
* Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																		
1	Xây mới Chợ Pu Nhi	Số 2035/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	1.000	1.000	1.000	1.000				950				50				
IV DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			72.194	72.194	72.194	72.194	-	-	-	25.775	-	-	-	46.419	-	-	-	
* Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																		
1	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Pu Nhi	Số 2038/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	5.894	5.894	5.894	5.894				3.000				2.894				
2	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT THCS Pu Nhi	Số 2039/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	8.000	8.000	8.000	8.000				3.000				5.000				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025										Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư					
3	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Luân Giới	Số: 1978/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	5.000	5.000	5.000	5.000				2.000				3.000				
4	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT TH&THCS Mường Luân	Số: 1979/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	5.000	5.000	5.000	5.000				1.500				3.500				
5	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT TH&THCS Na Sen	Số: 1980/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	8.000	8.000	8.000	8.000				3.000				5.000				
6	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT THCS Nong U	Số 2036/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	6.300	6.300	6.300	6.300				2.000				4.300				
7	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Phi Nhũ	Số: 2029/QĐ-UBND Ngày 08/11/2023	6.000	6.000	6.000	6.000				2.000				4.000				
8	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Sư Lư	Số: 1981/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	6.000	6.000	6.000	6.000				2.000				4.000				
9	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Quang Trung	Số 2037/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	6.500	6.500	6.500	6.500				2.000				4.500				
10	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Keo Lôm	Số: 2144 /QĐ-UBND Ngày 21/11/2023	7.000	7.000	7.000	7.000				3.275				3.725				
11	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT THCS Keo Lôm	Số: 2182/QĐ-UBND Ngày 28/11/2023	8.500	8.500	8.500	8.500				2.000				6.500				
A2.5	HUYỆN MUỐNG ẮNG		156.891	142.883	144.928	144.867	-	-	-	124.030	-	-	-	20.837	-	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		2.800	2.800	2.800	2.800	-	-	-	2.660	-	-	-	140	-	-	-	
a)	Nước sinh hoạt tập trung		2.800	2.800	2.800	2.800	-	-	-	2.660	-	-	-	140	-	-	-	
a1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																	
1	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Pú Cai, xã Áng Càng	Số 4097/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.500	1.500	1.500	1.500				1.425				75				
2	Nước sinh hoạt bản Pơ Mu xã Mường Đăng	Số 4098/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.300	1.300	1.300	1.300				1.235				65				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025									Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư				
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		125.454	111.446	113.497	113.436	-	-	-	98.657	-	-	-	14.778	-	-	-	
III.1	Đầu tư CSHT		66.454	66.200	66.200	66.139	-	-	-	53.840	-	-	-	12.299	-	-	-	
*	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																	
1	Đường dân sinh bản Mảnh Đan, xã Áng Càng	Số 4145/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	5.000	5.000	5.000	5.000				4.850				150				
2	Đường nội bản Hồng Sot, xã Áng Càng	Số 4099/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.500	1.500	1.500	1.500				1.425				75				
3	Đường nội bản Hua Nà, xã Áng Càng	Số 4100/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000				1.960				40				
4	Thủy lợi bản Hua Nặm, xã Áng Càng	Số 4102/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000				1.960				40				
5	Kênh nội đồng bản Kéo - bản Bảnh, xã Áng Càng	Số 4137/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	3.000	3.000	2.995	2.995				1.000				1.995				
6	Nhà Văn hóa bản Huổi Sưa, xã Áng Càng	Số 4101/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000				1.960				40				
7	Nhà văn hóa bản Mảnh Đan, xã Áng Càng	Số 4103/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.500	1.500	1.500	1.500				1.425				75				
8	Nhà Văn hóa bản Pom Ké + Hua Ngưỡng	Số 4104/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.020	1.000	999	999				950				49				
9	Đường nội bản Co Có Đường nội bản Co Có (nhánh 1: Từ ngã ba nhà ông Kỳ đường đi xã Nậm Lịch đến nhà ông Nhàn; Nhánh 2: Từ nhà ông Hùng đến nhà ông Thư), xã Áng Tơ	Số 4106/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.200	1.200	1.200	1.200				1.140				60				
10	Đường liên bản Pá Cha (Tên) nhà ông Hốp, xã Áng Tơ	Số 4138/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000				1.950				50				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025									Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư				
11	Đường nội bán Huồi Chàng, xã Ấng Tở	Số 310/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000				1.000				1.000				
12	Đường nội bán Cha Cường (khu A đi khu B), xã Ấng Tở	Số 4139/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000				1.000				1.000				
13	Thủy lợi Nà Nhà Sáy, xã Ấng Tở	Số 4140/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.500	1.500	1.500	1.500				1.425				75				
14	Nhà văn hóa bán Huồi Hóm, xã Ấng Tở	Số 309/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.020	1.000	1.020	1.000				950				50				
15	Nhà văn hóa bán Huồi Chón, xã Ấng Tở	Số 308/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.020	1.000	1.020	1.000				950				50				
16	Nhà văn hóa bán Pá Cha, xã Ấng Tở	Số 4108/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.300	1.300	1.294	1.294				1.235				59				
17	Nhà văn hóa bán Cha Nọ, xã Ấng Tở	Số 4109/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.300	1.300	1.300	1.300				1.250				50				
18	Nhà văn hóa bán Tọ Nọ, Tọ Cang, xã Ấng Tở	Số 4110/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.020	1.000	993	993				950				43				
19	Nhà văn hóa bán Bua I, II, xã Ấng Tở	Số 4111/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.020	1.000	991	991				950				41				
20	Đường sang khu dân cư và sản xuất bán Nong Pom Phai, xã Ngồi Cây	Số 4141/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	3.000	3.000	3.000	3.000				1.500				1.500				
21	Đường đi khu sản xuất bán Nậm Cùm, xã Ngồi Cây	Số 4142/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000				1.960				40				
22	Đường nội bán Chan III (từ điểm trường tiểu học đến khu dân cư), xã Ngồi Cây	Số 4143/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.400	2.400	2.400	2.400				1.000				1.400				
23	Đường nội bán Xuân Ban, xã Ngồi Cây	Số 4144/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.200	1.200	1.200	1.200				1.140				60				
24	Sửa chữa, nâng cấp đập đầu mối thủy lợi Nà Cầm + Nà Ngồi, xã Ngồi Cây	Số 4145/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.000	1.000	994	994				950				44				
25	Sửa chữa, nâng cấp kênh mương Nà Ty + Nà Huồi + Nà Tông Nong Sáy, xã Ngồi Cây	Số 165/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.200	1.200	1.200	1.200				1.140				60				
26	Thủy lợi Nà Co Sản bán Cây, xã Ngồi Cây	Số 4165/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.200	1.200	1.200	1.200				1.140				60				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:						
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư			
27	Thủy lợi Nà Tông, bản Sắng, xã Ngòi Cây	Số 166/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.200	1.200	1.200	1.200				1.140			60				
28	Nhà Văn hóa bản Ngòi + Xuân Ban, xã Ngòi Cây	Số 4166/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.500	1.500	1.500	1.500				1.425			75				
29	Nhà Văn hóa bản Co Hám, xã Ngòi Cây	Số 4167/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.020	1.000	997	997				950			47				
30	Nhà Văn hóa bản Nong, xã Ngòi Cây	Số 4168/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.300	1.300	1.288	1.288				1.235			53				
31	Nhà Văn hóa Bản Sắng, xã Ngòi Cây	Số 4169/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.300	1.300	1.300	1.300				1.235			65				
32	Đường liên bản Bản Xuân Lửa - Bản Co Sán, xã Mường Lạn	Số 4170/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	2.500	2.500	2.500	2.500				1.000			1.500				
33	Đường liên bản Lạn B - bản Nhộp, xã Mường Lạn	Số 4083/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000				1.950			50				
34	Đường đi khu sản xuất bản Lạn A, xã Mường Lạn	Số 4084/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.000	3.000	3.000	3.000				1.000			2.000				
35	Thủy lợi Nà Nưa Xôm bản Co Muồng, xã Mường Lạn	Số 4171/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.500	1.500	1.500	1.500				1.425			75				
36	Nhà Văn Hóa Hua Nà, xã Mường Lạn	Số 4172/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.300	1.300	1.300	1.300				1.235			65				
37	Nhà văn hóa Bản Huổi Ly, xã Mường Lạn	Số 217/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.020	1.000	1.020	1.000				950			50				
38	Nhà văn hoá bản Cò, xã Mường Lạn	Số 4173/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.300	1.300	1.300	1.300				1.235			65				
39	Nhà văn hoá bản Pú Cai, xã Ảng Càng	Số 4105/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.000	1.000	988	988				950			38				
40	Đường nội bản Hón (Đoạn từ nhà ông Dũng đến nhà Ủy Bình), thị trấn Mường Ảng	Số 4086/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.111	1.000	1.000	1.000				950			50				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú	
		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		
III.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		59.000	45.246	47.296	47.296	-	-	-	44.817	-	-	-	2.479	-	-	-	
*	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																	
1	Đường liên xã từ bản Xuân Ban (xã Ngòi Cây) đến bản Pú Tiu (xã Ảng Tở)	Số 4147/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	14.000	8.051	8.028	8.028				7.800				228				
1	Nâng cấp mặt đường từ trung tâm huyện đi xã Nậm Lịch (đoạn từ Km37 QL279 - xã Nậm Lịch)	Quyết định số 1127 /QĐ-UBND ngày 30/6/ 2022	20.000	16.594	18.722	18.722				17.037				1.685				
2	Nâng cấp đường dân sinh bản Thái, xã Mường Đăng (Đoạn đèo Tằng Quai - Bản Thái)	Số 4148/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	5.000	5.000	4.970	4.970				4.850				120				
3	Nâng cấp đường Pù Súa - Ảng Cang đi bản Huổi Lường, xã Nậm Lịch	Số 4149/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	10.000	5.600	5.585	5.585				5.430				155				
4	Nâng cấp đường từ thị trấn Mường Ảng - xã Ảng Nua	Số 4150/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	10.000	10.000	9.991	9.991				9.700				291				
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		28.637	28.637	28.631	28.631	-	-	-	22.713	-	-	-	5.919	-	-	-	
*	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																	
1	Trường PTDTBT Tiểu học Ảng Tở	Số 4253/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	11.930	11.930	11.930	11.930				11.600				330				
2	Xây dựng các hạng mục phụ trợ tại trường PTDTBT Tiểu học Bản Bua, xã Ảng Tở	Số 4146/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.100	1.100	1.094	1.094				1.045				49				
3	Xây dựng phòng học và các hạng mục phụ trợ tại trung tâm trường Tiểu học Hua Ngụong, xã Ảng Cang	Số 4147/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.607	1.607	1.607	1.607				1.527				80				
4	Nâng cấp các hạng mục phụ trợ tại trung tâm trường Tiểu học Ảng Cang	Số 4148/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.500	1.500	1.500	1.500				1.425				75				
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																	
1	Xây dựng phòng học trường THCS Ảng Tở	Số 4174/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	2.800	2.800	2.800	2.800				1.500				1.300				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:						
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư				
2	Xây dựng phòng hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ tại trung tâm trường Tiểu học Áng Càng	Số 4175/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	5.500	5.500	5.500	5.500				3.000				2.500			
3	Xây dựng phòng học tại trường THCS Búng Lao	Số 4176/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	4.200	4.200	4.200	4.200				2.616				1.584			
A2.6	HUYỆN MUỐNG NHÉ		206.749	199.405	171.796	171.667	-	-	-	129.375	-	-	-	42.292	-	-	-
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		13.292	13.292	13.176	13.176	-	-	-	12.029	-	-	-	1.147	-	-	
a)	Nước sinh hoạt tập trung		13.292	13.292	13.176	13.176	-	-	-	12.029	-	-	-	1.147	-	-	-
a1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																
1	Đầu tư mới công trình NSH bán Huồi Lich 1 (nhóm 2)	Số 1341/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.800	3.800	3.684	3.684				3.584				100			
2	Nâng cấp sửa chữa công trình NSH bán Huồi Lùm	Số 2135/QĐ-UBND, ngày 15/11/2023	1.400	1.400	1.400	1.400				1.350				50			
3	Nâng cấp sửa chữa công trình NSH bán Nậm Vi	Số 2134/QĐ-UBND, ngày 15/11/2023	1.400	1.400	1.400	1.400				1.350				50			
4	Đầu tư mới công trình NSH bán Pa Tét	Số 1343/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.500	3.500	3.500	3.500				3.395				105			
a2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																
1	Đầu tư mới công trình NSH bán Huồi Cầu	Số 2124/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.192	3.192	3.192	3.192				2.350				842			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		153.457	153.328	127.827	127.698	-	-	-	90.058	-	-	-	37.640	-	-	-
III.1	Đầu tư CSHT		153.457	153.328	127.827	127.698	-	-	-	90.058	-	-	-	37.640	-	-	-
a)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																
1	Đường bê tông nội bán Huồi Lich 2, xã Pá Mý	Số 1344/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	5.828	5.828	5.828	5.828				5.650				178			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025									Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư				
2	Đường đến bản Huồi Lích 2, xã Pá Mý	Số 1360/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.000	4.000	4.000	4.000				3.880				120				
3	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Tàng Phon, bản Huồi Lích 1, bản Huồi Lích 2, xã Pá Mý	2141/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400	2.400	2.400				2.350				50				
4	Đường đến bản Tàng Phon, xã Pá Mý	Số 1351/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.200	3.200	3.200	3.200				3.100				100				
5	Cứng hóa đường giao thông nội bản Nậm Vi xã Nậm Vi	2126/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.837	1.800	1.837	1.800				1.750				50				
6	Đường nội bản Pá Lũng, xã Chung Chải	2140/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.020	1.000	1.020	1.000				984				16				
7	Đường nội bản Húi To 2, xã Chung Chải	Số 1354/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	1.000	1.000	1.000	1.000				871				129				
8	Nâng cấp đường nội bản Đoàn Kết, xã Chung Chải	Số 1350/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.500	2.500	2.500	2.500				2.425				75				
9	Đường bê tông nội bản Nậm Vi xã Chung Chải	Số 1349/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.500	2.500	2.500	2.500				2.425				75				
10	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Si Ma 2, bản Pá Lũng, bản Hua Sin, xã Chung Chải	2128/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400	2.400	2.400				2.350				50				
11	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Cây Sắt, bản Nậm Hinh 1 và bản Nậm Hinh 2 xã Huồi Léch	2142/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400	2.400	2.400				2.350				50				
12	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Tàng Phon, bản Huồi Lấp, bản Trăm Púng, xã Quảng Lâm	2136/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400	2.400	2.400				2.350				50				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025									Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:								
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư	Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư			
13	Củng hóa đường giao thông nội bản Huồi Chạ 1, 2, xã Năm Vi	Số 1345/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	9.600	9.600	9.600	9.600				9.300				300				
14	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản Tà Háng, bản Huồi Pính, bản Ngã Ba, xã Mường Toong	2138/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400	2.400	2.400				2.350				50				
15	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản Huồi Đanh, bản Năm Pan, bản Năm Hà, xã Mường Toong	Số 1348/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.400	2.400	2.400	2.400				2.327				73				
16	Nâng cấp đường Tà Co Ky , xã Sin Thầu	Quyết định số 3258 QĐ/UBND ngày 17/12/2021	14.500	14.500	14.406	14.406				14.266				140				
17	Kê bảo vệ dân cư bản Pa Ma xã Sen Thượng	Số 1347/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	5.000	5.000	5.000	5.000				4.850				150				
18	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản Chuyên Gia 1, bản Chuyên Gia 2, bản Chuyên Gia 3, xã Năm Kê	2132/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400	2.400	2.400				2.350				50				
19	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản Huồi Khon 1, bản Huồi Khon 2, bản Huồi Hết, xã Năm Kê	Số 1359/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.400	2.400	2.400	2.400				2.330				70				
*	Danh mục bổ sung, lồng ghép với dự án số 9									0				0				
1	Đường Năm Vi - Năm Sin, xã Năm Vi	Quyết định số 828 QĐ-UBND ngày 27/5/2021	26.500	26.500	964	964				0				964				
b)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																	
1	Đường đến bản Huồi Lu 1, xã Pá Mý	2125/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	6.400	6.400	6.400	6.400				3.000				3.400				
2	Đường đến bản Huồi Lụ 3, xã Pá Mý	2122 /QĐ-UBND ngày 15/11/2023	9.000	9.000	9.000	9.000				3.000				6.000				
3	Đường bê tông nội bản Pá Mý 2, xã Pá Mý	2123/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.000	3.000	3.000	3.000				1.500				1.500				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025									Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư					
4	Đường ra khu sản xuất bản Đoàn Kết, xã Chung Chải	2127/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.000	3.000	3.000	3.000				1.500				1.500				
5	Đường bê tông nội bản Tăng Phon xã Quảng Lâm	2129 ngày 15/11/2023	3.000	3.000	3.000	3.000				1.000				2.000				
6	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Sái Lương, bản Dền Thàng, bản Chà Nội 1, bản Chà Nội 2, xã Quảng Lâm	2131/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.200	3.200	3.200	3.200				1.500				1.700				
7	Đường giao thông Tả Miếu đi Km5+900 đường tuần tra biên giới, xã Sín Thầu	Số 1346/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	12.000	12.000	12.000	12.000				7.200				4.800				
8	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Co Lót, bản Co Lót 1, bản Huổi Cọ, bản Huổi Ban, xã Mường Nhé	Số 1352/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.200	3.200	3.200	3.200				3.100				100				
*	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025																	
9	Đường bê tông các tuyến nhánh bản Phiềng Kham, xã Mường Nhé	Số 298/QĐ-UBND, ngày 02/02/2024	2.400	2.400	2.400	2.400				0				2.400				
10	Cứng hóa đường giao thông nội bản Trạm Púng xã Quảng Lâm	Số 301/QĐ-UBND, ngày 02/02/2024	1.837	1.800	1.837	1.800				0				1.800				
11	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Huổi Lụ 1, bản Huổi Lụ 2, bản Huổi Lụ 3, xã Pả Mý	Số 303/QĐ-UBND, ngày 02/02/2024	2.400	2.400	2.400	2.400				0				2.400				
12	Cứng hóa đường giao thông nội bản Vang Hồ xã Năm Vĩ	Số 299/QĐ-UBND, ngày 02/02/2024	1.735	1.700	1.735	1.700				0				1.700				
13	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Năm Pố 1, bản Năm Pố 2, bản Năm Pố 3, bản Năm Pố 4, xã Mường Nhé	Số 302/QĐ-UBND, ngày 02/02/2024	3.200	3.200	3.200	3.200				0				3.200				
14	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản Mường Toong 6, bản Mường Toong 7, bản Huổi Lanh, xã Mường Toong	Số 296/QĐ-UBND, ngày 02/02/2024	2.400	2.400	2.400	2.400				0				2.400				
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		13.500	6.285	6.285	6.285	-	-	-	4.000	-	-	-	2.285	-	-	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú	
		Số QĐ: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024		Tổng số	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:								
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư				
1	Nước sinh hoạt thôn 3, xã Lao Xá Phình, huyện Tủa Chùa	Số 2939/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	2.600	2.600	2.600	2.600				2.499				101				
*	Dự án khởi công mới năm 2025																	
2	Nước sinh hoạt trung tâm xã Tủa Thàng	Số 39/QĐ-UBND, ngày 18/01/2024	1.650	1.650	1.650	1.650				0				1.650				
3	Nước sinh hoạt thôn Trung Gầu Bua, xã Sin Chải, huyện Tủa Chùa	Số 37/QĐ-UBND, ngày 18/01/2024	1.450	1.450	1.450	1.450				0				1.450				
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		20.022	20.022	20.022	20.022	-	-	-	10.650	-	-	-	9.372	-	-	-	
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																	
1	Dự án sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Sô, xã Huổi Sô huyện Tủa Chùa	1458 ngày 11/9/2023	20.022	20.022	20.022	20.022				10.650				9.372				
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		79.086	78.685	79.086	78.685	-	-	-	46.513	-	-	-	32.172	-	-	-	
III.1	Đầu tư CSHT		69.586	69.185	69.586	69.185	-	-	-	39.872	-	-	-	29.313	-	-	-	
a)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																	
1	Cấp nước sinh hoạt bản Huổi sô, xã Huổi Sô	Số 2941/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	2.335	2.335	2.335	2.335				2.300				35				
2	Thoát nước thải, vệ sinh môi trường bản Huổi sô, xã Huổi Sô	Số 2942/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	1.830	1.830	1.830	1.830				1.800				30				
3	Hạ tầng thông tin và truyền thông bản Huổi sô, xã Huổi Sô	Số 2944/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	2.280	2.280	2.280	2.280				2.200				80				

71

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:								
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư				
4	Đường Nhù Pông Chua đi thôn 3 xã Sinh Phình	2945 ngày 06/12/2022	4.000	4.000	4.000	4.000				3.884				116				
5	Mở mới tuyến đường từ Đờ Ảng Đàng đi thôn Phiềng Páng, xã Sinh Phình	2946 ngày 6/12/2022	3.823	3.823	3.823	3.823				3.707				116				
6	Nâng cấp tuyến đường giao thông nội thôn Háng Cu Tầu, xã Trung Thu	3037/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	3.500	3.500	3.500	3.500				3.457				43				
7	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Bán Hẹ, xã Xá Nhè	3031/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	1.735	1.700	1.735	1.700				1.695				5				
8	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Nà Sa từ ông Thào A Lữ đến nhà ông Giảng A Hạng, xã Tả Phìn	2947 ngày 06/12/2022	4.335	4.335	4.335	4.335				4.174				161				
9	Nâng cấp tuyến đường giao thông công thôn văn hóa thôn 3 đến nhà ông Lý Sáu Thanh, xã Lao Xá Phình	3032/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	2.900	2.900	2.900	2.900				2.880				20				
10	Nâng cấp tuyến đường từ Dơi Khó Si đi Lăng Sáng 2, xã Tả Sín Thàng	3079/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.500	1.500	1.500	1.500				1.493				7				
11	Đường nội thôn Páng Dẻ A, xã Xá Nhè	3055/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.700	1.700	1.700	1.700				1.621				79				
12	Đường giao thông nội thôn Quyết Tiến, thị trấn Tủa Chùa	3057/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	900	900	900	900				841				59				
13	Đường ra khu sản xuất thôn Dẻ Bấu, xã Trung Thu	3034/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	1.300	1.300	1.300	1.300				1.292				8				
14	Nâng đường nội thôn Háng Tơ Mang, xã Mường Bàng	3035/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	1.667	1.500	1.667	1.500				1.470				30				
b)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																	
1	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Huổi só, xã Huổi Sô	Số 2940 QĐ-UBND ngày 06/12/2022	9.373	9.373	9.373	9.373				3.000				6.373				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025									Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:								
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư				
2	Cấp điện sinh hoạt bản Huồi số, xã Huồi Số	Số 2943/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	4.060	4.060	4.060	4.060				2.000				2.060				
3	Nâng cấp đường từ nhà ông Ly A Dè ra khu sản xuất Táng Tò thôn 1 xã Lao Xã Phình	3072/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	2.550	2.550	2.550	2.550				2.058				492				
c) Các dự án khởi công mới năm 2025																		
1	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Tu Cha, xã Huồi Số	Số 13/QĐ-UBND, ngày 09/01/2024	1.400	1.400	1.400	1.400				0				1.400				
2	Nâng cấp tuyến đường đi ra khu sản xuất thôn Đẻ Tàu, xã Mường Đụn	Số 3247/QĐ-UBND, ngày 27/12/2023	1.200	1.200	1.200	1.200				0				1.200				
3	Mở mới tuyến đường giao thông nội đồng thôn Phi Giáng 1, xã Tủa Thảng (Từ Chế Ca Trung Phi Lăng đi Mang Cua Chế)	Số 3239/QĐ-UBND, ngày 25/12/2023	4.000	4.000	4.000	4.000				0				4.000				
4	Xây mới nhà Văn hóa thôn Đẻ Ca Hồ, xã Trung Thu	Số 4855/QĐ-UBND, ngày 16/10/2024	1.500	1.500	1.500	1.500				0				1.500				
5	Đường vào khu sản xuất thôn Tinh B, xã Xá Nhè	Số 3136/QĐ-UBND, ngày 04/12/2023	1.633	1.600	1.633	1.600				0				1.600				
6	Mở mới tuyến đường từ Tả Dung vào khu sản xuất Chở Tinh 3, xã Tả Phìn	Số 3141/QĐ-UBND, ngày 06/12/2023	2.700	2.700	2.700	2.700				0				2.700				
7	Đường ra khu sản xuất thôn Vàng Chua, xã Sinh phình	Số 4874/QĐ-UBND, ngày 22/10/2024	2.500	2.500	2.500	2.500				0				2.500				
8	Nhà Văn hóa thôn Tả Lào Cáo	Số 4679/QĐ-UBND, ngày 10/10/2024	1.700	1.700	1.700	1.700				0				1.700				
9	Cầu qua suối cận thôn Tả Phìn nối giữa đường trục thôn và đường vào Trường Tiểu học Tả Phìn, xã Tả Phìn	1397 ngày 19/4/2024	1.500	1.500	1.500	1.500				0				1.500				
10	Đường nội thôn Pù Ổn, xã Mường Báng	Số 3199/QĐ-UBND, ngày 18/12/2023	1.666	1.500	1.666	1.500				0				1.500				

73

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025									Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư					
III.2	Củng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		9.500	9.500	9.500	9.500	-	-	-	6.641	-	-	-	2.859	-	-	-	
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																	
1	Nâng cấp tuyến đường từ Háng Súa đi Tà Dê, xã Tà Sin Thàng	3058/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	5.500	5.500	5.500	5.500				3.000				2.500				
2	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã - thôn Háng Lả, xã Sin Chải	2948 ngày 06/12/2022	4.000	4.000	4.000	4.000				3.641				359				
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		36.054	36.054	36.054	36.054	-	-	-	8.721	-	-	-	27.333	-	-	-	
*	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																	
1	Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu học và THCS Lao Xá Phính, xã Lao Xá Phính	2950 ngày 06/12/2022	4.320	4.320	4.320	4.320				4.244				76				
2	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tà Phin	2951 ngày 06/12/2022	4.525	4.525	4.525	4.525				4.477				48				
*	Các dự án khởi công mới năm 2025																	
1	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Trung Thu	08 ngày 09/01/2024	6.484	6.484	6.484	6.484				0				6.484				
2	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Mường Đun	17 ngày 12/01/2024	8.356	8.356	8.356	8.356				0				8.356				
3	Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu học Xá Nhè, xã Xá Nhè	Số 14/QĐ-UBND, ngày 09/01/2024	2.516	2.516	2.516	2.516				0				2.516				
4	Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu học Tà Sin Thàng, xã Tà Sin Thàng	3194 ngày 14/12/2023	4.525	4.525	4.525	4.525				0				4.525				
5	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Sin Chải	86 ngày 26/01/2024	5.328	5.328	5.328	5.328				0				5.328				
A2.9	HUYỆN NẬM PÔ		132.601	131.432	132.379	131.210	-	-	-	78.573	-	-	-	52.637	-	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		6.652	6.652	6.652	6.652	-	-	-	1.584	-	-	-	5.068	-	-	-	
a)	Nước sinh hoạt tập trung		6.652	6.652	6.652	6.652	-	-	-	1.584	-	-	-	5.068	-	-	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:						
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																
I	Nước sinh hoạt Trung tâm xã Năm Khán	Số 2135/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	3.200	3.200	3.200	3.200				1.000				2.200			
2	Nước sinh hoạt bản Nộc Cốc 1 xã Vàng Đàn	Số 2136/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	3.452	3.452	3.452	3.452				584				2.868			
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		-	-	-	-				0				0			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		104.326	103.157	104.104	102.935	-	-	-	64.989	-	-	-	37.946	-	-	
III.1	Đầu tư CSHT		104.326	103.157	104.104	102.935	-	-	-	64.989	-	-	-	37.946	-	-	
*	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																
1	Nhà văn hoá bán Phi Linh 1.2 xã Sĩ Pa Phìn	2365/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.500	3.500	3.500	3.500				3.395				105			
2	Nhà văn hoá bán Pù Dao, Chế Nhù, xã Sĩ Pa Phìn	2366/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.300	3.300	3.300	3.300				3.201				99			
3	Nhà văn hóa bán Độ Tinh 1, 2, xã Phìn Hồ, huyện Năm Pồ	2377/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.100	4.100	4.100	4.100				3.977				123			
4	Nhà văn hóa bán Huổi Hoi, Huổi Cơ Dao, xã Nà Hỳ	2368/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.700	3.700	3.700	3.700				3.589				111			
5	Nhà văn hóa bán Năm Tất 1, bản Trên Nương, xã Nà Bung	2369/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.800	4.800	4.800	4.800				4.656				144			
6	Nhà văn hóa bán Năm Khán, Năm Pang xã Năm Khán	2371/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.100	4.100	4.100	4.100				3.977				123			
7	Nhà văn hóa bán Năm Nhừ 3, Huổi Lụ 3, xã Năm Nhừ	2373/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.500	4.500	4.500	4.500				4.365				135			
8	Nhà văn hóa Bán Năm Chua 1,3, xã Năm Nhừ	2374/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.800	4.800	4.800	4.800				4.656				144			

75

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
9	Nhà văn hóa bán Nà Ên, Nà Pầu xã Chà Tở	2066/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	3.900	3.900	3.900	3.900				3.624				276			
10	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bán Huổi Sầu xã Pa Tân	308/QĐ_UBND ngày 28/2/2023	2.442	2.442	2.220	2.220				2.151				69			
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																
1	Nhà văn hóa bán Mới 2, xã Chà Cang	2070/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	2.825	2.825	2.825	2.825				1.500				1.325			
2	Nhà văn hóa bán Chấn Nuôi, Phảng Chủ, xã Phìn Hồ	2232/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Năm Pồ	4.898	4.800	4.898	4.800				465				4.335			
3	Nhà văn hóa bán Mo Công, Mạy Hốc xã Phìn Hồ	2071/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	3.571	3.500	3.571	3.500				1.000				2.500			
4	Nhà văn hóa bán Lai Khoang, Sam Lang	2072/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	4.250	4.250	4.250	4.250				2.000				2.250			
5	Nhà văn hóa bán Nà Hỳ 1	2133/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	3.300	3.300	3.300	3.300				1.500				1.800			
6	Nhà văn hóa bán Nà Hỳ 3	2134/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	3.300	3.300	3.300	3.300				1.136				2.164			
7	Nhà văn hóa bán Nậm Chua 2, Nậm Ngà 1, Nậm Chua 5, xã Nậm Chua	2034/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	5.000	4.900	5.000	4.900				2.000				2.900			
8	Nhà văn hóa bán Huổi Đạo, xã Vàng Đán	2035/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	2.551	2.500	2.551	2.500				1.000				1.500			
9	Nhà văn hóa bán Vàng Đán, Nộc Cốc 2, xã Vàng Đán	2036/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	4.082	4.000	4.082	4.000				2.000				2.000			
10	Nhà văn hóa bán Nà Búng 2,3 xã Nà Búng	2037/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	4.388	4.300	4.388	4.300				2.000				2.300			
11	Nhà văn hóa bán Ngải Thầu 1,2, xã Nà Búng	2038/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	4.847	4.750	4.847	4.750				2.000				2.750			
12	Nhà văn hóa bán Na Cồ Sa 1, 2, Pắc A2 xã Na Cồ Sa	2370/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.995	4.995	4.995	4.995				1.900				3.095			
13	Nhà văn hóa bán Huổi Văng, Huổi Loong, xã Nậm Khẩn	2372/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.300	3.300	3.300	3.300				1.043				2.257			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025									Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư				
14	Nhà văn hóa bán Nà Mười, Hồ Háng, Hồ He, xã Chà Tở	2067/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	4.745	4.745	4.745	4.745				3.597				1.148				
15	Nhà văn hóa bán Hồ Củng, Huổi Anh, xã Chà Tở	2068/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	4.133	4.050	4.133	4.050				2.000				2.050				
16	Nhà văn hoá bán Nà Ấn, Nậm Dich, xã Chà Nưa	2033/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	5.000	4.500	5.000	4.500				2.257				2.243				
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		19.000	19.000	19.000	19.000	-	-	-	11.000	-	-	-	8.000	-	-	-	
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																	
1	Trường PTDTBT TH Tân Phong , Pa Tân, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.500	5.500	5.500	5.500				3.500				2.000				
2	Trường PTDTBT TH Na Cỏ Sa, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.000	5.000	5.000	5.000				3.000				2.000				
3	Trường PTDTBT TH Phìn Hồ, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 2436/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.000	5.000	5.000	5.000				3.000				2.000				
4	Trường PTDTBT TH Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	3.500	3.500	3.500	3.500				1.500				2.000				
IV	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		2.623	2.623	2.623	2.623	-	-	-	1.000	-	-	-	1.623	-	-	-	
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại bán Nà Sứ, xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.	2470/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	2.623	2.623	2.623	2.623				1.000				1.623				
A2.10	THỊ XÃ MƯỜNG LAY		7.930	7.930	7.930	7.930	-	-	-	7.771	-	-	-	159	-	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		2.504	2.504	2.504	2.504	-	-	-	2.453	-	-	-	50	-	-	-	
a)	Nước sinh hoạt tập trung		2.504	2.504	2.504	2.504	-	-	-	2.453	-	-	-	50	-	-	-	
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																	
1	Hệ thống nước sinh hoạt bán Hồ Nậm Cắn xã Lay Nưa	QĐ số 1024/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	2.504	2.504	2.504	2.504				2.453				50				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025									Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư					
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		12.677	12.677	9.177	9.177	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a)	Nước sinh hoạt tập trung		5.500	5.500	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hệ thống cấp nước Trung tâm xã Ta Ma		5.500	5.500	2.000	2.000				0								
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		7.177	7.177	7.177	7.177	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án Hỗ trợ nhà ở		7.177	7.177	7.177	7.177				-								
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết																	
III	Dự án 3 Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		34.340	34.340						0				0				
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		45.856	45.856	43.856	43.856	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III.1	Đầu tư CSHT		45.856	45.856	43.856	43.856	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		45.856	45.856	43.856	43.856	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chợ trung tâm cụm xã Rạng Đông + Ta Ma + Phình Sáng + Pù Nhung		4.400	4.400	4.400	4.400				0								
2	Khu thể thao ngoài trời xã Quải Nưa		7.116	7.116	7.116	7.116				0								
3	Khu thể thao ngoài trời cụm xã Rạng Đông + Ta Ma + Phình Sáng + Pù Nhung		10.550	10.550	10.550	10.550				0								

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025									Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:								
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư	Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư			
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		21.323	21.323	21.670	21.670	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a)	Nước sinh hoạt tập trung		13.300	13.300	13.647	13.647	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nước sinh hoạt bản Hìn 1, Hìn 2 + NSH cụm Pu Ca bản Huổi Xuán, xã Na Sang		4.800	4.800	7.000	7.000				0								
2	NSH bản Lũng Thàng 1+2, xã Huổi Mi		8.500	8.500	6.647	6.647				0								
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		8.023	8.023	8.023	8.023	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hỗ trợ nhà ở		8.023	8.023	8.023	8.023				0								
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		23.881	23.881	16.292	16.292	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III.1	Đầu tư CSHT		23.881	23.881	16.292	16.292	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		23.881	23.881	16.292	16.292	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đường bê tông QL6 - bản Cừu Tàng, xã Nậm Nèn (Km3+00 - Km4+400)		3.500	3.500	3.500	3.500				0								
1	Đường trục xã từ đường tỉnh 144 - bản Háng Trỏ, xã Nậm Nèn		4.200	4.200,00	4.200	4.200,00				0								
2	Nhà văn hóa bản Háng Trỏ, xã Nậm Nèn		1.440	1.440,00	1.440	1.440,00				0								
3	Nhà văn hóa bản Nậm Cút xã Nậm Nèn		1.600	1.600,00	1.600	1.600,00				0								
4	Nhà văn hóa bản Hồ Mực xã Nậm Nèn		1.600	1.600,00	1.600	1.600,00				0								
5	Nhà văn hóa bản Cừu Tàng xã Nậm Nèn		1.441	1.441	1.441	1.441				0								
6	Nhà văn hóa bản Nậm Nèn 2, xã Nậm Nèn		1.600	1.600	1.600	1.600				0								

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư			
*	Bổ sung lồng ghép với dự án 1																
1	NSH bán Lũng Thàng 1+2, xã Huổi Mì		8.500	8.500	911	911					0						
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		464	464	464	464	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nhà vệ sinh trường PTDTBT Tiểu học Ma Thi Hồ		220	220	220	220					0						
2	Nhà vệ sinh trường PTDTBT THCS Ma Thi Hồ		244	244	244	244					0						
B2.8	HUYỆN TỬA CHÙA		50.644	50.644	50.675	50.644	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		12.652	12.652	12.652	12.652	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a)	Nước sinh hoạt tập trung		3.063	3.063	3.063	3.063	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nước sinh hoạt thôn Lầu Cầu Phình, xã Lao Xá Phình		3.063	3.063	3.063	3.063					0						
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		9.589	9.589	9.589	9.589	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hỗ trợ nhà ở		9.589	9.589	9.589	9.589					0						
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		33.802	33.802	33.833	33.802	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III.1	Đầu tư CSHT		33.802	33.802	33.833	33.802	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Nậm Bành, xã Huổi Sô		5.400	5.400	5.400	5.400					0						
2	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Hồng Ngải, xã Huổi Sô		7.200	7.200	7.200	7.200					0						

85

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:						
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
3	Nhà văn hóa thôn 2, xã Huổi Sớ		1.500	1.500	1.531	1.500				0							
4	Xây mới nhà văn hóa Bán Đụn, xã Mường Đụn		1.300	1.300	1.300	1.300				0							
5	Xây mới nhà Văn hóa bán Nà Xa, xã Mường Đụn		1.300	1.300	1.300	1.300				0							
6	Xây mới nhà văn hóa Đụn Nưa, xã Mường Đụn		1.300	1.300	1.300	1.300				0							
7	Nâng cấp tuyến đường nội thôn, Thôn Dề Bấu đi đến trục đường chính vắng Chùa, xã Trung Thu		5.400	5.400	5.400	5.400				0							
8	Đường Láng Sáng 1 - Háng Dao Cang, xã Tà Sín Thàng		2.800	2.800	2.800	2.800				0							
9	Đường nội thôn bán Túc, xã Mường Đụn		4.202	4.202	4.202	4.202				0							
10	Đường Nội thôn Phi Dinh, xã Sinh Phình		3.400	3.400	3.400	3.400				0							
IV	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		4.190	4.190	4.190	4.190	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Xây dựng mới nhà văn hóa - Khu thể thao các thôn, bản: Pàng Dề B, Phiêng Quảng, xã Xá Nhè, Dề Dề Hu 2, xã Sinh Phình, huyện Tủa Chùa		4.190	4.190	4.190	4.190				0							
B2.9	HUYỆN NẠM PỐ		10.743	10.743	10.743	10.743	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		7.585	7.585	7.585	7.585	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		7.585	7.585	7.585	7.585	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Dự án Hỗ trợ đất ở		2.528	2.528	2.528	2.528				0							

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025									Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư					
2	Dự án Hỗ trợ nhà ở		2.528	2.528	2.528	2.528				0								
3	Dự án Hỗ trợ đất sản xuất		2.528	2.528	2.528	2.528				0								
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		-	-	-	-				0				0				
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		3.158	3.158	3.158	3.158	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Trường THCS Nà Khoa, Vàng Đán, huyện Năm Pồ		3.158	3.158	3.158	3.158				0								
B2.10	THỊ XÃ MƯỜNG LAY		2.389	2.389	2.389	2.389	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
IV	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		2.389	2.389	2.389	2.389	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho các điểm đến du lịch tiêu biểu trên địa bàn phường Na Lay		1.900	1.900	1.900	1.900				0								
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn phường Na Lay		489	489	489	489				0								

87

Biểu số 6
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
 (Kèm theo Báo cáo số **534/L** /BC-UBND ngày **22** tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025									Dự kiến Kế hoạch vốn NSTW 2025				Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó			Lũy kế bổ tri vốn đến hết 2024			Tổng số	Trong đó				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Chuẩn bị đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
*	TỔNG SỐ							1.396.967	1.387.371	1.360.428	0	0	0	1.111.012	0	0	0	249.416				
A	TỔNG HỢP CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÂN BỐ CHI TIẾT							1.388.543	1.378.947	1.352.004				1.111.012				240.992				
A1	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH (Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững)							80.622	80.622	80.622				68.825				11.797				
1	Trường Cao đẳng nghề							42.790	42.790	42.790				35.429				7.361				
2	Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên							16.014	16.014	16.014				15.279				735				
3	Trường Cao đẳng y tế Điện Biên							14.072	14.072	14.072				10.817				3.255				
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội							7.746	7.746	7.746				7.300				446				
A2	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN (Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo)							1.307.921	1.298.325	1.271.382				1.042.187				229.195				
A2.1	Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo							1.122.336	1.126.836	1.099.893				972.187				127.706				
1	Huyện Năm Pồ							201.310	201.310	201.310				190.371				10.939				
2	Huyện Mường Ảng							153.310	157.810	157.810				152.029				5.781				
3	Huyện Tủa Chùa							169.273	169.273	169.273				138.518				30.755				
4	Huyện Mường Chà							83.000	83.000	83.000				65.690				17.310				
5	Huyện Điện Biên Đông							185.477	185.477	185.477				171.665				13.812				
6	Huyện Tuần Giáo							223.000	223.000	196.787				162.480				34.307				
7	Huyện Mường Nhé							106.966	106.966	106.236				91.434				14.802				
A2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn							185.585	171.489	171.489				70.000				101.489				
B	VỐN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ (DỰ KIẾN PHÂN BỐ SAU KHI ĐỦ ĐIỀU KIỆN)							8.424	8.424	8.424	0	0	0	0	0	0	0	8.424				

88

**	TỔNG SỐ CHI TIẾT							1.396.967	1.387.371	1.360.428	-	-	-	1.111.012	-	-	-	249.416				
A	CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ							1.388.543	1.378.947	1.352.004				1.111.012				240.992				
A1	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH (Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững)							80.622	80.622	80.622				68.825				11.797				
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn							72.876	72.876	72.876				61.525				11.351				
I.1	Trường Cao đẳng nghề							42.790	42.790	42.790				35.429				7.361				
	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024</i>																					
1	Nâng cấp, cải tạo các hạng mục phụ trợ: Công, nhà bảo vệ, sân, tường rào và rãnh thoát nước nội bộ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	C			22-24	Cao đẳng nghề	1440 ngày 14/8/2022	6.500	6.500	6.500				6.400				100				
2	Nâng cấp, cải tạo nhà hiệu bộ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	C			22-24	Cao đẳng nghề	1405 ngày 13/8/2022	4.500	4.500	4.500				4.400				100				
3	Nâng cấp, cải tạo nhà ký túc xá 3 tầng Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	C			22-24	Cao đẳng nghề	1442 ngày 14/8/2022	8.500	8.500	8.500				8.342				158				
4	Xây dựng xưởng thực hành Công nghệ ô tô Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	C			24-25	Cao đẳng nghề	1912 ngày 24/11/2023	5.000	5.000	5.000				4.632				368				
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025</i>																					
5	Xây dựng xưởng thực hành Điện, Kỹ thuật xây dựng Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	C			24-25	Cao đẳng nghề	1952 ngày 30/11/2023	8.000	8.000	8.000				2.500				5.500				
6	Nâng cấp, cải tạo nhà lớp học số 02 Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	C			24-25	Cao đẳng nghề	1887 ngày 21/11/2023	4.290	4.290	4.290				3.655				635				
7	Xây dựng nhà Thư viện Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên.	C			24-25	Cao đẳng nghề	1953 ngày 30/11/2023	6.000	6.000	6.000				5.500				500				

I.2	Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên						16.014	16.014	16.014				15.279			300	735				
	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024</i>																				
1	Sửa chữa, cải tạo nhà thực hành quản trị nhà hàng khách sạn, Nhà ký túc xá và hạng mục phụ trợ	C				Cao đẳng KTKT	1406/QĐ-UBND ngày 13/8/2022	8.014	8.014	8.014			7.979				35				
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025</i>																				
2	Khu ký túc xá cho học sinh dân tộc nội trú	C			24-25	Cao đẳng KTKT	1888 ngày 21/11/2023	8.000	8.000	8.000			7.300			300	700				
I.3	Trường Cao đẳng y tế Điện Biên							14.072	14.072	14.072			10.817	0	0	300	3.255				
	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024</i>																				
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Nhà ký túc xá 3 tầng HSSV khu A Trường Cao đẳng y tế Điện Biên	C			23-24	Sở Y tế	2214/QĐ-UBND 02/12/2022	7.000	7.000	7.000			6.517				483				
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025</i>																				
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Nhà lớp học 4 tầng Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên	C			23-24	Sở Y tế	1951, 30/11/2023	7.072	7.072	7.072			4.300			300	2.772				
II	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững							7.746	7.746	7.746			7.300				446				
II.1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội							7.746	7.746	7.746			7.300				446				
	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024</i>																				
1	Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Điện Biên	C			22-24	Sở Lao động	1407/QĐ-UBND ngày 13/8/2022; 2010/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	7.746,00	7.746,00	7.746			7.300				446				
A2	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN (Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo)							1.307.921	1.298.325	1.271.382			1.042.187				229.195				

A2.1	Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo						1.122.336	1.126.836	1.099.893	0	0	0	972.187	0	0	0	127.706	0	0	0
I	Huyện Nậm Pồ						201.310	201.310	201.310				190.371				10.939			
	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																			
1	Đường Trung tâm huyện - Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	C			22-24	UBND huyện Nậm Pồ	1195/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	39.950	39.950	39.950			39.239				711			
2	Nâng cấp đường Nà Khoa - Nà Cô Sa, huyện Nậm Pồ	B			22-24	UBND huyện Nậm Pồ	1408/QĐ-UBND ngày 13/8/2022	85.360	85.360	85.360			80.877				4.483			
3	Cầu bê tông qua suối Nậm Pồ đi xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ	C			22-24	UBND huyện Nậm Pồ	1196/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	26.000	26.000	26.000			22.290				3.710			
4	Trung tâm Văn hóa huyện Nậm Pồ	B			22-24	UBND huyện Nậm Pồ	1427/QĐ-UBND ngày 13/8/2022	50.000	50.000	50.000			47.965				2.035			
II	Huyện Mường Ảng						153.310	157.810	157.810	0		0	152.029	0		0	5.781			
	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																			
1	Trường mầm non Hoa Hồng, thị trấn Mường Ảng	C			22-24	UBND huyện Mường Ảng	1410/QĐ-UBND ngày 13/8/2022	34.000	34.000	34.000			32.758				1.242			
2	Đầu tư xây dựng Nhà Đa năng; cải tạo, sửa chữa nhà lớp học, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ trường THPT Búng Lao	C			22-24	Sở Giáo dục	1424/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	13.410	13.410	13.410			13.259				151			
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Búng Lao, huyện Mường Ảng	C			22-24	Sở Y tế	1422/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	5.000	5.000	5.000			4.720				280			
4	Nhà hiệu bộ trường tiểu học thị trấn Mường Ảng	C			22-24	UBND huyện Mường Ảng	2911/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Mường Ảng	3.500	3.500	3.500			3.493				7			

5	Phòng học bộ môn trường THCS thị trấn Mường Ảng	C		22-24	UBND huyện Mường Ảng	Quyết định số 2875 ngày 11/7/2022 của UBND huyện Mường Ảng	3.400	3.400	3.400			3.320					80				
6	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Ảng Cang	C		22-24	UBND huyện Mường Ảng	Quyết định số 2876 ngày 11/7/2022 của UBND huyện Mường Ảng	3.500	3.500	3.500			3.448					52				
7	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Ảng Nưa	C		22-24	UBND huyện Mường Ảng	Quyết định số 2877 ngày 11/7/2022 của UBND huyện Mường Ảng	3.500	3.500	3.500			3.461					39				
8	Xây dựng nhà lớp và các hạng mục phụ trợ học Trường Tiểu học Mường Lạn	C		22-24	UBND huyện Mường Ảng	Quyết định số 2878 ngày 11/7/2022 của UBND huyện Mường Ảng	5.000	5.000	5.000			4.949					51				
9	Đường liên xã Năm Lịch - Mường Lạn (Từ bản Lịch Cang, xã Năm Lịch sang bản Huổi Lỵ, xã Mường Lạn)	C		22-24	UBND huyện Mường Ảng	Quyết định số 2879 ngày 11/7/2022 của UBND huyện Mường Ảng	14.500	14.500	14.500			14.420					80				
10	Đường liên xã Ảng Nưa - Ảng Cang	C		22-24	UBND huyện Mường Ảng	Quyết định số 2880 ngày 11/7/2022 của UBND huyện Mường Ảng	7.500	7.500	7.500			7.440					60				
11	Nâng cấp đường từ trung tâm xã Mường Đăng đi xã Ngòi Cây	C		22-24	UBND huyện Mường Ảng	Quyết định số 2881 ngày 11/7/2022 của UBND huyện Mường Ảng	14.000	14.000	14.000			13.834					166				
12	Sửa chữa sân và các hạng mục phụ trợ khu trung tâm hành chính huyện (tổ chức các sự kiện văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của huyện)	C		22-24	UBND huyện Mường Ảng	UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Mường Ảng	6.000	6.000	6.000			5.947					53				
13	Trường tiểu học xã Ngòi Cây	C		23-24	UBND huyện Mường Ảng	4250/QĐ-UBND 22/11/2022	12.500	12.500	12.500			12.200					300				
14	Phòng học bộ môn + nhà nội trú và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Ngòi Cây	C		23-24	UBND huyện Mường Ảng	4251/QĐ-UBND 22/11/2022	7.500	7.500	7.500			6.624					876				
15	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường PTDTBTH bán Bua, xã Ảng Tở	C		23-24	UBND huyện Mường Ảng	4252/QĐ-UBND 22/11/2022	6.000	6.000	6.000			5.467					533				
16	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Năm Lịch	C		23-24	UBND huyện Mường Ảng	4140/QĐ-UBND 09/11/2022	5.000	5.000	5.000			4.689					311				
Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																					
17	Nhà lớp học + nhà hiệu bộ Trường Mầm non Ảng Tở	C		23-25	UBND huyện Mường Ảng	4134/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	4.500	4.500	4.500			4.000					500				
18	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Mường Đăng	C		23-25	UBND huyện Mường Ảng	4135/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	thiên	4.500	4.500			4.000					500				

•

1	Đường giao thông liên xã bản Tin Tộc A - Năm Ma - Mường Ten (xã Pú Hông) - Huổi Mí (xã Sam Kha)	C			22-24	UBND huyện ĐBĐ	1226/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	31.000	31.000	31.000				29.915				1.085				
2	Nâng cấp đường giao thông liên xã bản Na Hay - Tia Ghềnh - Háng Súa xã Tia Đình - xã Sam Kha	C			22-24	UBND huyện ĐBĐ	1227/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	31.000	31.000	31.000				27.000				4.000				
3	Đường giao thông liên xã bản Phá Khẩu - Phi Súa (xã Phình Giàng, huyện Điện Biên Đông) - Phi Cao (xã Mường Nhé, huyện Điện Biên)	C			22-24	UBND huyện ĐBĐ	1228/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	19.000	19.000	19.000				18.000				1.000				
4	Nâng cấp đường giao thông liên xã bản Nà Nénh C (xã Pú Hông) - Nà Su - Chua Ta (xã Tia Đình)	C			22-24	UBND huyện ĐBĐ	1229/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	43.000	43.000	43.000				40.639				2.361				
5	Đầu tư xây dựng Nhà Đa năng và phòng học bộ môn, nhà nội trú và các hạng mục phụ trợ trường THPT Trần Can	C			22-24	Sở GD	1426/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	13.570	13.570	13.570				13.286				284				
6	Thủy lợi Na Ngưu xã Phi Nhữ (phục vụ dân bản Na Ngưu xã Phi Nhữ và dân bản Pa Vát xã Mường Luồn) - 126,8ha	C			23-24	UBND huyện ĐBĐ	2643/QĐ-UBND 22/11/2022	8.500	8.500	8.500				8.465				35				
7	Xây dựng trường Mầm non Pú Hông, xã Pú Hông, huyện Điện Biên Đông	C			23-24	UBND huyện ĐBĐ	Số: 1660/QĐ-UBND Ngày 20/9/2023	13.000	13.000	13.000				12.700				300				
Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																						
1	Đầu tư xây dựng khu nội trú, cải tạo, sửa chữa nhà Ban Giám hiệu và các hạng mục phụ trợ trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên Đông	C			24-25	Sở GD	1956, 30/11/2023	8.000	8.000	8.000				7.500				500				
2	Hệ thống điện sinh hoạt các xã Na Son, Xa Dung (bản Tia Lô, Trung Phu xã Na Son, bản Ca Tầu Xa Dung)	C			24-25	UBND Huyện ĐBĐ	1922, 30/10/2023	8.407	8.407	8.407				5.160				3.247				
3	Thủy lợi Suối Tông Số bản Nà Nénh C xã Pú Hông	C			24-25	UBND Huyện ĐBĐ	1899, 26/10/2023	5.000	5.000	5.000				4.500				500				

4	NSH các xã Tia Đình, Pú Hồng (Trung tâm xã mới, bản Háng Súa xã Tia Đình; bản Ao Cá xã Pú Hồng)	C			24-25	UBND Huyện ĐBD	1933, 31/10/2023	5.000	5.000	5.000			4.500			500				
VI	Huyện Tuần Giáo							223.000	223.000	196.787	0	0	162.480	0	0	34.307				
	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024</i>																			
1	Trung tâm văn hóa huyện Tuần Giáo				22-24	UBND huyện Tuần Giáo	1427/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	65.000	65.000	65.000			61.767			3.233				
2	Đường liên xã Nà Sáy - Mường Khong				22-24	UBND huyện Tuần Giáo	1428/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	26.000	26.000	26.000			24.765			1.235				
3	Dự án xây mới nhà kỹ thuật cao TTYT huyện Tuần Giáo				22-24	Số Y tế	1420/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	30.000	30.000	30.000			29.748			252				
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025</i>																			
1	Trường PTDTBT tiểu học Khoang Hìn			13 PH; 18 PNT; 02 PCV; Nhà Hiệu bộ; HMPT.	22-24	UBND huyện Tuần Giáo	1429/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	30.000	30.000	30.000			23.000			7.000				
2	Đường liên xã Rạng Đông - Nà Tông			12,3 Km	23-25	UBND huyện Tuần Giáo	2213/QĐ-UBND 02/12/2022	30.000	30.000	30.000			20.000			10.000				
3	Trường PTDT bán trú THCS Mùn Chung				24-25	UBND huyện Tuần Giáo	140/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	14.000	14.000	14.000			3.000			11.000				
	<i>Dự án khởi công mới 2025</i>																			
4	Trường PTDTBT THCS và Tiểu học Pú Xi			12 PH; Phòng bộ môn; NCV; NNT; HMPT	2025	UBND huyện Tuần Giáo	1554/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	28.000	28.000	1.787			200			1.587				
VII	Huyện Mường Nhé							106.966	106.966	106.236			91.434			14.802				

	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024</i>																			
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Leng Su Sín	C			22-24	UBND huyện Mường Nhé	821/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND huyện MN	14.200	14.200	14.110				14.024				86		
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Trần Văn Thọ	C			22-24	UBND huyện Mường Nhé	822/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND huyện MN	8.150	8.150	8.090				7.892				198		
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Leng Su Sín	C			22-24	UBND huyện Mường Nhé	823/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND huyện MN	8.800	8.800	8.800				8.687				113		
4	Nâng cấp, sửa chữa trường Phổ thông DTBT THCS Mường Toong	C			22-23	UBND huyện Mường Nhé	824/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND huyện MN	13.000	13.000	12.970				12.871				99		
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Quảng Lâm	C			23-24	UBND huyện Mường Nhé	52/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	19.355	19.355	19.355				18.660				695		
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025</i>																			
1	Nâng cấp trung tâm giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp huyện Mường Nhé (Nhà làm việc và hạng mục phụ trợ)	C			24-25	UBND huyện Mường Nhé	2119, 15/11/2023	10.000	10.000	10.000				5.000				5.000		
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học và THCS Sín Thầu	C			24-25	UBND huyện Mường Nhé	2133, 15/11/2023	2.311	2.311	2.311				2.000				311		
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Pá Mý	C			24-25	UBND huyện Mường Nhé	2120, 15/11/2023	4.000	4.000	4.000				3.500				500		
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Nậm Pồ	C			24-25	UBND huyện Mường Nhé	2121, 15/11/2023	6.800	6.800	6.800				4.000				2.800		

5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Mường Toong số 1	C			23-24	UBND huyện Mường Nhé	1361, 23/11/2022	8.150	8.150	7.900				7.875			25			
6	Nâng cấp Trường THCS Huổi Léch	C			23-24	UBND huyện Mường Nhé	1357, 25/11/2022	7.200	7.200	6.900				6.700			200			
7	Sửa chữa, nâng cấp trường mầm non Huổi Léch, xã Huổi Léch	C			2025	UBND huyện Mường Nhé	500, 02/02/2024	5.000	5.000	5.000				225			4.775			
A2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn							185.585	171.489	171.489				70.000			101.489			
	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																			
1	Đường liên xã Mường Đăng - Ngòi Cáy (từ bản Chan I đi Chan II, xã Mường Đăng đi Chan III, xã Ngòi Cáy)	C		L=11,08 Km, GTINT B	22-24	UBND huyện Mường Ảng	1411/QĐ-UBND ngày 13/8/2022	40.000	25.904	25.904				25.000			904			Lồng ghép 14096 trở vốn Tiểu dự án 1
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025																			
2	Đường từ xã Năm Lịch - Pá Khôm - trung tâm xã Mường Lan, huyện Mường Ảng	C		L=10,3k m cấp VI; 173m GTINT C	24-25	UBND huyện MA	1960/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	54.054	54.054	54.054				15.000			39.054			
3	Đường Quốc lộ 6 - Khu du lịch nước nóng xã Quài Cang – xã Tủa Tịch	C		L=1,316k m đường đô thị; đoạn còn lại cải tạo GTINT C	24-25	UBND huyện Tuần Giáo	1954/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	35.000	35.000	35.000				15.000			20.000			
4	Đường liên xã Chiềng Đông – Chiềng Sinh – Nà Sáy	C		L=6,534k m GTINT A	24-25	UBND huyện Tuần Giáo	1955/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	56.531	56.531	56.531				15.000			41.531			
B	VỐN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ (DỰ KIẾN PHÂN BỐ SAU KHI ĐỦ ĐIỀU KIỆN)							8.424	8.424	8.424				-			8.424			
	Huyện Mường Chà																			
1	Nâng cấp trường PTDTBT THCS Mường Mươn	C					Chưa có QĐ	8.424	8.424	8.424				-						Dự kiến bổ trí sau khi đủ điều kiện

98

Biểu số 7

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 5312/BC-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Dự kiến Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT														
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Trong đó: NSTW				
									Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG SỐ						276.575	252.390	254.325	0	0	0	145.533	0	0	0	122.472				
A	VỐN TRONG NƯỚC						265.462	243.878	244.008	0	0	0	137.023	0	0	0	106.485	0	0	0	
A1	DỰ ÁN ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ CHI TIẾT						228.303	208.219	213.159	0	0	0	137.023	0	0	0	70.706	0	0	0	
I	Thành phố Điện Biên Phủ						6.089	5.826	5.826	0	0	0	5.234	0	0	0	592	0	0	0	
a)	Các dự án hoàn thành 2024						6.089	5.826	5.826	0	0	0	5.234	0	0	0	592	0	0	0	
1	Xây dựng nhà văn hóa bản Tân Quang xã Thanh Minh	Nhóm C	Xã Thanh Minh		2024 - 2024	Số 121/QĐ-UBND, ngày 06/10/2023	566	566	566				538				28				
2	Nâng cấp đường bê tông lên khu sản xuất pha I, bản Nà Nghệ, xã Thanh Minh	Nhóm C	Xã Thanh Minh		2023 - 2024	Số 1668/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023	5.523	5.260	5.260				4.696				564				
II	Huyện Điện Biên						100.065	80.394	80.394	0	0	0	54.747	0	0	0	25.647	0	0	0	
a)	Các dự án hoàn thành 2024						39.102	34.578	34.578	0	0	0	27.016	0	0	0	7.562	0	0	0	0
*	Xã nông thôn mới						18.636	17.608	17.608				12.185	0	0	0	5.423	0	0	0	0
1	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội bản thôn Thanh Đông, thôn Thanh Bình B (từ ngã ba thôn Thanh Bình đến cầu Bàn Lố) xã Thanh Luông, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Luông		2024	Số 144a/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023	1.906	1.715	1.715				1.662				53				
2	Đường dẫn sinh thôn 6 xã Pom Lót, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Pom Lót		2024	Số 148/QĐ-UBND, ngày 26/10/2023	1.264	1.138	1.138				1.081				57				
3	Xây dựng ngầm trần; đường giao thông vào khu dân cư, khu sản xuất Nà Tầu, bản Nà Khoang, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Mường Nhà		2024	Số 3010/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023	2.128	2.128	2.128				1.000				1.128				
4	Kiến cố hóa kênh cấp III đội 9, kênh tưới tiêu đội 9, đội 12, đội 16, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Xương		2024	Số 3064/QĐ-UBND, ngày 24/10/2023	2.200	2.200	2.200				1.000				1.200				
5	Bê tông hóa kênh thủy lợi tuyến từ sân vận động xã xuống bản Pa Léch; nối tiếp kênh Pa Léch; tuyến thôn Việt Thanh 5 xuống thôn Thanh sơn; Tuyến Hồng Thanh đến hạ thế; kênh Việt Thanh 4; Tuyến Thanh Hà đến giáp Thanh Yên; nối tiếp kênh Hồng Thanh 7 xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Chăn		2024	Số 2694/QĐ-UBND, 26/9/2023	2.538	2.538	2.538				1.000				1.538				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Dự kiến Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Trong đó: NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
6	Bê tông hóa tuyến đường: Trục bản Pa Bôi; Nối tiếp đường trục thôn Yên Trường; Nối tiếp đường trục bản Pa Pháy xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Yên		2024	Số 206/QĐ-UBND, ngày 23/10/2023	2.486	2.237	2.237				1.500				737				
7	Bê tông hóa trục đường nội thôn A1, Đại Thành, Thanh Sơn, bản Noong Luông, bản U Va xã Noong Luông, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Luông		2024	Số 187/QĐ-UBND, ngày 26/10/2023	4.616	4.154	4.154				3.500				654				
8	Kiến cổ hóa kênh mương thôn Hoàng Công Chất xã Thanh An, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh An		2024	Số 2416/QĐ-UBND, ngày 21/8/2023	1.498	1.498	1.498				1.442				56				
*	Huyện nông thôn mới (Vốn NS huyện quản lý)						11.655	8.159	8.159				6.845				1.314	0	0	0	0
1	Đường giao thông thôn bản và đường liên thôn bản xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Hưng		2024	Số 3009/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023	4.370	3.059	3.059				2.000				1.059				
2	Đường dân sinh Thôn 1, 2, 3,5, 7, Bán Pom Lót, xã Pom Lót, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Pom Lót		2024	Số 3197/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023	2.857	2.000	2.000				1.939				61				
3	Làm mới tuyến đường từ thôn Việt Thanh 4 sang bản Pom Mỏ Thỏ xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Chăn		2024	Số 3440/QĐ-UBND, ngày 23/11/2023	1.571	1.100	1.100				946				154				
4	Nhà văn hóa thể thao và các hạng mục phụ trợ xã Noong Het, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Het		2024	Số 3441/QĐ-UBND, ngày 23/11/2023	2.857	2.000	2.000				1.960				40				
*	Xã Noong Het đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu						8.811	8.811	8.811				7.986				825	0	0	0	0
1	Cổng chào xã Noong Het, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Het		2024	Số 2873/QĐ-UBND, ngày 06/10/2023	200	200	200				200				0				
2	Nâng cấp, mở rộng, kê và lát vỉa hè 2 bên lề đường trục chính; cải tạo hệ thống thoát nước 2 bên đường xã Noong Het, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Het		2024	Số 3031/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023	4.500	4.500	4.500				3.800				700				
3	Đường Bê tông nội thôn Văn Biễn, Văn Tân xã Noong Het, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Het		2024	Số 3092/QĐ-UBND, ngày 25/10/2023	1.111	1.111	1.111				1.081				30				
4	Đường Bê tông nội thôn thôn Hợp Thành, xã Noong Het, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Het		2024	Số 3032/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023	1.000	1.000	1.000				962				38				
5	Đường Bê tông nội thôn thôn Tân Lập xã Noong Het, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Het		2024	Số 3091/QĐ-UBND, ngày 25/10/2023	1.000	1.000	1.000				947				53				
6	Đường BT nội thôn của bản Mỏ, bản Noong Het, thôn 24 xã Noong Het, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Het		2024	Số 3434/QĐ-UBND, ngày 22/11/2023	1.000	1.000	1.000				996				4				
b)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						49.203	34.442	34.442	0	0	0	27.731	0	0	0	6.711	0	0	0	0
	Huyện nông thôn mới (Vốn NS tỉnh quản lý)						49.203	34.442	34.442				27.731				6.711	0	0	0	0
1	Nâng cấp đường liên xã từ QL279 Thanh An - Noong Het - Sam Múm huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Sam Múm		2024-2025	Số 308/QĐ-UBND, ngày 28/02/2023	16.000	11.200	11.200				8.563				2.637				
2	Nâng cấp đường liên xã từ QL12 vào xã Thanh Chăn - Thanh Yên huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Yên		2024-2025	Số 2209/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	17.703	12.392	12.392				8.318				4.074				

100

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Dự kiến Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Trong đó: NSTW				
							Tổng số (túi cà các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
3	Kiến cổ kênh tưới tiêu từ thôn Văn Tân xã Noong Hết đến khu ruộng bản Na Vai, xã Pom Lót, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hết		2024-2025	Số 2210/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	15.500	10.850	10.850				10.850				0				
c)	Các dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025						11.760	11.374	11.374	0	0	0	0	0	0	0	11.374	0	0	0	0
*	Huyện nông thôn mới						1.286	900	900				0				900	0	0	0	0
1	Bê tông hoá nối tiếp tuyến đường từ bản Na Khua sang bản Púng nhụu xã Thanh Chân, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Chân		2025	Số 244/QĐ-UBND, ngày 6/11/2024	1.286	900	900								900				
*	Xã Noong Hết mới						8.025	8.025	8.025	0	0	0	0	0	0	0	8.025	0	0	0	0
**	Dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025																				
1	Đường BT thôn Văn Biên, Duyện Long, bản Mỏ xã Noong Hết, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hết		2025	Số 209/QĐ-UBND, ngày 22/10/2023	800	800	800								800				
2	Kênh cấp 3 đoạn từ giáp trại giam C10 đến đường quốc lộ xã Sam Mùn, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Sam Mùn		2025	Số 197/QĐ-UBND, ngày 10/10/2023	607	607	607								607				
3	Kênh mương từ Co Phén đến ruộng ông Phong bản Hua Ná xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Nưa		2025	Số 218/QĐ-UBND, ngày 28/10/2023	800	800	800								800				
4	Nối tiếp kênh Thanh Bình - Co Rôm từ ao nhà ông Kiêm đến ruộng bản Hồng Lạnh, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Nưa		2025	Số 217/QĐ-UBND, ngày 28/10/2023	165	165	165								165				
6	Bê tông hóa các tuyến hóa các tuyến đường giao thông nội đồng đội 4a, đội 4b, đội 5 xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Xương		2025	Số 192/QĐ-UBND, ngày 07/10/2023	1.315	1.315	1.315								1.315				
8	Đường bê tông nội bản Tin Lán, Huổi Hua xã Núa Ngam, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Núa Ngam		2025	Số 211/QĐ-UBND, ngày 23/10/2023	2.738	2.738	2.738								2.738				
9	Đường nội đồng bản Ten Núa xã Núa Ngam, huyện Điện Biên (cấp phối)	Nhóm C	Xã Núa Ngam		2025	Số 215/QĐ-UBND, ngày 24/10/2023	200	200	200								200				
10	Đường giao thông bản Na Lôm, kẻ và đường bản Tông Khao xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Nưa		2025	Số 201/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023	1.100	1.100	1.100								1.100				
14	Đường bê tông bản Mỏ xã Noong Hết đi tắt sang xã Thanh An huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hết		2025	Số 213/QĐ-UBND, ngày 23/10/2023	300	300	300								300				
	Xã Noong Hết đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu						2.449	2.449	2.449	0	0	0	0	0	0	0	2.449	0	0	0	0
*	Dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025																				
1	Nâng cấp đường bê tông và Cầu từ QL 279 đến kênh Đại thủy nông xã Noong Hết, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hết		2025	Số 205/QĐ-UBND, ngày 18/10/2023	2.449	2.449	2.449								2.449				
III	Huyện Tuần Giáo						25.000	25.000	25.000	0	0	0	13.796	0	0	0	11.204	0	0	0	0
b)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						25.000	25.000	25.000	0	0	0	13.796	0	0	0	11.204	0	0	0	0

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Dự kiến Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã gizo kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Trong đó: NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đường giao thông bản Bổng Ban + bản Bàng Sán	Nhóm C	Xã Quai Tở			Số 99/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023	6.000	6.000	6.000				3.500				2.500				KCM 2024
2	Đường giao thông Hời Nọ	Nhóm C	Xã Quai Tở			Số 100/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023	5.100	5.100	5.100				2.500				2.600				KCM 2024
3	Đường giao thông bản Ngứa	Nhóm C	Xã Quai Tở			Số 101/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023	6.000	6.000	6.000				3.000				3.000				KCM 2024
4	Nâng cấp thủy lợi bản Cỏ - bản Lạ	Nhóm C	Xã Quai Tở			Số 102/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023	1.900	1.900	1.900				1.805				95				KCM 2024
5	Đường giao thông bản Cuồng + bản Giảng	Nhóm C	Xã Quai Cang			Số 103/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023	3.200	3.200	3.200				1.500				1.700				KCM 2024
6	Đường giao thông bản Cang	Nhóm C	Xã Quai Nưn			Số 104/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023	2.800	2.800	2.800				1.491				1.309				KCM 2024
IV	Huyện Điện Biên Đông						25.051	25.051	25.051	0	0	0	24.621	0	0	0	18	0	0	0	
a)	Các dự án hoàn thành 2024						25.051	25.051	25.051	0	0	0	24.621	0	0	0	18	0	0	0	
1	Nâng cấp đường liên bản Ten Luồng - Thẩm Trầu xã Chiềng Sơ	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1654/QĐ-UBND, ngày 18/9/2022	3.000	3.000	3.000				2.995				0				
2	Nâng cấp đường liên bản Bản Mề - Háng Tàu xã Chiềng Sơ	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1655/QĐ-UBND, ngày 18/9/2022	4.000	4.000	4.000				3.924				0				
3	Đường Điện Bản Háng Pa xã Chiềng Sơ (51 hộ)	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1623/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022	4.500	4.500	4.500				4.417				0				
4	Đường Điện bản Háng Tàu Chiềng Sơ (59 hộ)	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1622/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022	3.691	3.691	3.691				3.622				18				
5	Đường Điện Bản Thẩm Trầu xã Chiềng Sơ (40 hộ)	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1618/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022	5.350	5.350	5.350				5.243				0				
6	Đường Điện Bản Kéo Đũa xã Chiềng Sơ (53 hộ)	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1621/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022	2.000	2.000	2.000				1.960				0				
7	Đường Điện Bản Nà Ly xã Chiềng Sơ (44 hộ)	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1620/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022	2.510	2.510	2.510				2.460				0				
V	Mường Chà						25.000	25.000	25.000	0	0	0	20.830	0	0	0	4.170	0	0	0	
a)	Các dự án hoàn thành 2024						7.600	7.600	7.600	0	0	0	7.600	0	0	0	0				
1	Nhà Văn hóa - thể thao xã Nậm Nền	Nhóm C			2.024	Số 5442/QĐ-UBND, ngày 28/9/2023	3.000	3.000	3.000				3.000				0				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Dự kiến Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Trong đó: NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
2	Nước sinh hoạt bản Phiêng Dắt A, xã Nậm Nèn	Nhóm C			2.024	Số 5441/QĐ-UBND, ngày 28/9/2023	2.400	2.400	2.400				2.400				0				
3	Nâng cấp đường bê tông từ đường QL6 vào bản Nậm Nèn 1,2, xã Nậm Nèn	Nhóm C			2.024	Số 5663/QĐ-UBND, ngày 09/10/2023	2.200	2.200	2.200				2.200				0				
b)	Các dự án hoàn thành năm 2025						14.000	14.000	14.000	0	0	0	11.077	0	0	0	2.923				
1	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 150 - bản Nậm Piến, xã Mường Tùng	Nhóm C			2.024	Số 5755/QĐ-UBND, ngày 13/10/2023	14.000	14.000	14.000				11.077				2.923				
c)	Các dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025						3.400	3.400	3.400				2.153				1.247				
1	Đường ngõ xóm các bản Nậm Nèn 1, Nậm Nèn 2, Hồ Mực, Cừu Tàng xã Nậm Nèn	Nhóm C			2.025	Số 2085/QĐ-UBND, ngày 23/4/2024	3.400	3.400	3.400				2.153				1.247				
VI	Huyện Nậm Pồ						12.024	12.024	16.964	0	0	0	2.154	0	0	0	9.870	0	0	0	
a)	Các dự án hoàn thành năm 2024						2.154	2.154	2.154	0	0	0	2.154	0	0	0	0	0	0	0	
1	Đường bê tông nội bản Pa Có, xã Chà Nưa	Nhóm C	Xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ		2023-2024	Số 1799/QĐ-UBND, ngày 15/9/2023	2.154	2.154	2.154				2.154				0				
b)	Dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025						9.870	9.870	14.810	0	0	0	0	0	0	0	9.870	0	0	0	
1	Mô hình phát triển sản phẩm OCOP về du lịch bản Nà Sứ, xã Chà Nưa huyện Nậm Pồ	Nhóm C	Xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ		2023-2025	Số 4507/QĐ-UBND, ngày 29/10/2024	9.870	9.870	14.810								9.870				
VII	Thị xã Mường Lay						3.150	3.000	3.000	0	0	0	3.000	0	0	0	0				
b)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						3.150	3.000	3.000				3.000				0				
1	Hệ thống nước sinh hoạt (nước sạch) các bản, xã Lay Nưa	Nhóm C	xã Lay Nưa		2023-2025	Số 1026/QĐ-UBND, ngày 18/10/2023	3.150	3.000	3.000				3.000				0				
VII	Huyện Mường Ảng						14.154	14.154	14.154	0	0	0	3.946	0	0	0	10.208	0	0	0	
a)	Các dự án hoàn thành năm 2024						4.154	4.154	4.154	0	0	0	3.946	0	0	0	208	0	0	0	
1	Đường nội bản Co Hầm, xã Ảng Nưa	Nhóm C	Xã Ảng Nưa		2024-2025	Số 4081/QĐ-UBND, ngày 15/11/2023	1.900	1.900	1.900				1.805				95				Năm 2025 bố trí đủ vốn GD21-25 so với TMĐT
2	Đường di khu sản xuất bản Tắt Hẹ, xã Ảng Nưa (Giai đoạn 1)	Nhóm C	Xã Ảng Nưa		2024-2025	Số 4082/QĐ-UBND, ngày 15/11/2023	2.254	2.254	2.254				2.141				113				
c)	Dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025						10.000	10.000	10.000	0	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0	
1	Khu xử lý rác thải rắn sinh hoạt xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	Nhóm C	Xã Búng Lao		2024-2025	Số 2987/QĐ-UBND, ngày 30/10/2024	10.000	10.000	10.000								10.000				Đã khởi công mới năm 2025
IX	Huyện Tủa Chùa						17.770	17.770	17.770	0	0	0	8.695	0	0	0	8.997	0	0	0	0
a)	Các dự án hoàn thành năm 2024						7.000	7.000	7.000	0	0	0	6.437	0	0	0	485	0	0	0	

103

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Dự kiến Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Trong đó: NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Sung Ún, xã Mương Báng	Nhóm C	Xã Mương Báng		2023-2024	Số 2755/QĐ-UBND, ngày 29/9/2023	2.000	2.000	2.000				2.000				0				
2	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Phai Tung, xã Mương Báng	Nhóm C	Xã Mương Báng		2023-2024	Số 2901/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023	2.500	2.500	2.500				2.500				0				
3	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn cụm 1 thôn Pù Ôn, xã Mương Báng	Nhóm C	Xã Mương Báng		2024	Số 3033/QĐ-UBND, ngày 14/11/2023	2.500	2.500	2.500				1.937				485				
c)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						10.770	10.770	10.770	0	0	0	2.258	0	0	0	8.512	0	0	0	
1	Nâng cấp đường đi khu sản xuất thôn Từ Ngải 1, 2 xã Mương Báng	Nhóm C	Xã Mương Báng		2024-2025	Số 26/QĐ-UBND, ngày 16/01/2024	2.430	2.430	2.430				730				1.700				
2	Cải tạo, nâng cấp đường ra khu sản xuất thôn Tiên Phong, xã Mương Báng	Nhóm C	Xã Mương Báng		2024-2025	Số 2983/QĐ-UBND, ngày 14/6/2024	5.000	5.000	5.000				578				4.422				
3	Nước sinh hoạt thôn Hàng Chờ, xã Mương Báng	Nhóm C	Xã Mương Báng		2024-2025	Số 3560/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	1.000	1.000	1.000				300				700				Giám TMDT
4	Nước sinh hoạt thôn Nà Áng, xã Mương Báng	Nhóm C	Xã Mương Báng		2024-2025	Số 1372/QĐ-UBND, ngày 15/4/2024	2.340	2.340	2.340				650				1.690				Giám TMDT
A2	DỰ ÁN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ CHI TIẾT						37.159	35.659	30.849	0	0	0	0	0	0	0	35.779	0	0	0	
II	Huyện Điện Biên						19.692	18.192	18.192	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	
*	Huyện nông thôn mới						5.000	3.500	3.500				0					0	0	0	
2	Nhà văn hóa thể thao và các hạng mục phụ trợ xã Mương Nhà, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Mương Nhà		2025		5.000	3.500	3.500												
*	Xã Nuông thôn mới						11.998	11.998	11.998	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	
5	Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Món xã Thanh Luông, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Luông		2025		1.900	1.900	1.900												
7	Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Pa Pháy, thôn Bãi Máu xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Yên		2025		2.800	2.800	2.800												
11	Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Hồng Thái xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Hưng		2025		1.360	1.360	1.360												
12	Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Nà Ngum xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Yên		2025		1.730	1.730	1.730												
13	Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Nà Phay 2, Khon Kén xã Mường Nhà, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Mường Nhà		2025		2.820	2.820	2.820												
15	Đường giao thông bản Na Khénh, từ thôn Thanh Xuân đến điểm trường tiểu học Pa Pe xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên						586	586	586												
16	Kè suối chống sạt lở đất ruộng bản Xa Xuông, xã Pa Thơm, huyện Điện Biên						802	802	802												
	Xã Nuong Hết đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu						2.694	2.694	2.694	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Dự kiến Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Trong đó: NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Kế hoạch vốn thực hiện các chuyên Đề, Chương trình, Đề án, (Không quá 10% vốn giai đoạn 2022-2025)						2.694	2.694	2.694				0					0	0	0	0
I	Xây dựng xã nông thôn mới thông minh hoặc xã thương mại điện tử xã Noong Het, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Het		2025		2.694	2.694	2.694												
VI	Huyện Nậm Pồ						4.810	4.810	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	
c)	Vốn chưa đủ điều kiện để phân bổ						4.810	4.810													Số vốn 4.940 trở về bổ sung vào tổng mức đầu tư dự án mô hình phát triển OCOP
VII	Huyện Mường Ảng						2.997	2.997	2.997	0	0	0	0	0	0	0					
1	Nhà văn hoá bán Na Luông, xã Ảng Nưa						1.697	1.697	1.697												Bổ sung dự án giai đoạn 2021-2025, khởi công mới năm 2025
2	Khu xử lý rác thải rắn sinh hoạt xã Búng Lao, huyện Mường Ảng						1.300	1.300	1.300												Số vốn 1,300 hết nhiệm vụ chi, dự kiến trình HĐND tỉnh bố trí cho dự án này có nhu cầu bổ sung TMDT
IX	Huyện Tủa Chùa						9.660	9.660	9.660	0	0	0	0	0	0	0					9.660
5	Đường nội thôn Háng Trờ, xã Mường Báng	Nhóm C	Xã Mường Báng		2024-2025		3.000	3.000	3.000				0								Dự án bổ sung mới
6	Đường ra khu sản xuất thôn Phiêng Bung, xã Mường Báng	Nhóm C	Xã Mường Báng		2024-2025		2.660	2.660	2.660				0								
7	Đường nội thôn Phiêng Bung, xã Mường Báng	Nhóm C	Xã Mường Báng		2024-2025		4.000	4.000	4.000				0								
B	VỐN NƯỚC NGOÀI						11.113	8.512	10.317	0	0	0	8.510	0	0	0	15.987	0	0	0	
B1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên						11.113	8.512	10.317	-	-	-	8.510	-	-	-	15.987				
1	Bổ trí vốn bổ sung cho các dự án đã được phê duyệt						11.113	8.512	10.317	-	-	-	8.510	-	-	-	1.807				
1	Trạm Y tế xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé					Số 101/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	1.320	1.052	1.552				1.052				500				Bổ sung tổng mức đầu tư để bổ sung các hạng mục phụ trợ
2	Trạm Y tế xã Mường Luân huyện Điện Biên Đông					Số 3303/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	1.430	1.122	1.622				1.122				500				Bổ sung tổng mức đầu tư để bổ sung các hạng mục phụ trợ

